TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 318/2023/DS - PT
Ngày: 29/11/2023
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2023/TLPT- DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B (chết ngày 2/4/2022); cư trú tại: số C đường T, T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Các con bà Nguyễn Thị B gồm có: Bà Nguyễn Khánh Đ, sinh năm 1971; bà Nguyễn Khánh N, sinh năm 1972; bà Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1973; bà nGuyễn Ngọc D, sinh năm 1974; bà Nguyễn Khánh K, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982; các bà nói trên đều ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng T tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/11/2023 chứng thực tại Văn phòng C1 số 191, quyển số 1 SCT/CK, ĐC ngày 27/11/2023.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T; cư trú tại: số C Đường T, T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Luật sư Trần Danh T1 – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh P; có mặt.

2. Luật sư Trần Tuấn L - Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

- *Bị đơn:* Cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 2019); cư trú tại: số C đường T, tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ L1*, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B1; vắng mặt;

2. Ông Nguyễn T2; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn E; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Ú; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T3; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T4; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số C Đường T, T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Nguyễn Thị Thu T5; cư trú tại: A N PennSylvania #1111 E, Hoa Kỳ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên: Ông Nguyễn T2; cư trú tại: số C Đường T, T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2016), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Hoàng C; cư trú tại: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2016, ngày 25/10/2016 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B *và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 12, tại tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích là 1.706m^2 (do Vlap đo bằng máy) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Bửu n chuyển nhượng của cụ Nguyễn Thị N1 (mẹ bà B) ngày 08/10/1976, có đường đi vào lô đất từ đường T (có sơ đồ vẽ tay xác định vị trí thửa đất kèm theo). Thửa đất số 155 của bà B tiếp giáp với thửa đất số 45 của cụ Nguyễn Thị L1 (tiếp giáp phần lối đi).

Trước đây, gia đình cụ L1 mở cổng đi thẳng ra đường T. Khoảng năm 1997, sau khi đường T mở rộng, cụ L1 đã bít cổng trước và mở cổng để đi qua đất của bà B ra đường T. Thời gian này, bà B ra N làm ăn, không có mặt ở nhà, các con bà B còn nhỏ nên không biết gì. Khi bà B về thăm nhà, biết cụ L1 đã mở cổng đi qua phần đất của bà B để dễ dàng đi xuống chợ, nhưng vì tình nghĩa họ hàng, nên bà B để cho đi nhờ. Sau đó, con bà B sử dụng phần đất này làm nơi giữ xe, nay bà B có nhu cầu sử dụng vào mục đích khác, tiến hành xây dựng, thì con cụ L1 ngăn cản, không cho xây và xảy ra tranh chấp đối với diện tích đất này. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất để hai bên có cơ sở sử dụng.

Bị đơn là cụ Nguyễn Thị L1 *do ông* Nguyễn T2 *đại diện trình bày:*

Về nguồn gốc của diện tích đất (đường đi) đang tranh chấp trước đây là đường đi hẹp (rộng khoảng 0,8m - 01m). Khoảng năm 1988 - 1989, bà B kinh doanh làm ăn với Đại hàn dân quốc; xe ô tô 12 chỗ ngồi vào không được, nên bà B xin cụ Nguyễn D1 (chồng của cụ L1) mở rộng hàng rào về phía nhà cụ D1 (khoảng hơn 02m) cho đường rộng để xe ra vào dễ dàng hơn. Do là con cháu trong gia đình (cụ D1 là cậu ruột bà B), nên cụ D1 đồng ý và không làm giấy tờ gì. Từ đó đến nay phần đất đó vẫn là đường đi chung của hai gia đình.

Bà B cho rằng cụ L1 và cụ Nguyễn D1 trước đây mở ngõ từ đường T vào nhà là không đúng, cổng chính của gia đình cụ L1 vẫn mở như hiện tại từ xưa đến nay.

Nay, cụ L1 xác định phần đất tranh chấp có một phần diện tích đất của gia đình cụ trước đây đã mở rộng làm đường đi. Do đó, yêu cầu chia diện tích đất đang tranh chấp làm hai, nếu không được thì sử dụng làm đường đi chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ông* Nguyễn T2*, bà* Nguyễn Thị B1*, ông* Nguyễn Văn E*, bà* Nguyễn Thị Ú*, ông* Nguyễn Văn T3*, bà* Nguyễn Thị Thanh T4*, bà* Nguyễn Thị Thu T5 *trình bày*: Thống nhất với trình bày của bị đơn.

- *Ông* Nguyễn Hoàng C *trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị B kết hôn từ năm 1970 và chung sống đến năm 1982 thì ly hôn. Hiện nay, ông được biết bà B có đơn khởi kiện, tranh chấp (gần 130 m^2) đối với phần diện tích đất hiện nay là lối đi chung với gia đình của cụ Nguyễn Thị L1. Ông hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bửu .

1. Đình chỉ xét xử đối với tranh chấp diện tích đất 14,4m^2 trong đó quy hoạch giao thông 1,7m^2, diện tích còn lại 12,7m^2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bửu .

Xác định diện tích 126m^2 đất, ký hiệu thửa số 155B, thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 12 (320-596-6-(15)) thuộc bộ B2 *địa chính* phường C, thành phố C *thuộc quyền sử dụng của bà* Nguyễn Thị B *(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là cụ Nguyễn Thị L1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Ú, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và bà Vũ Thị A (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T5) có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2021/DSPT ngày 08/3/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T2 *là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ* Nguyễn Thị L1*);*

Chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Nguyễn T2*, bà* Nguyễn Thị B1*, ông* Nguyễn Văn E*, bà* Nguyễn Thị Ú*, ông* Nguyễn Văn T3*, bà* Nguyễn Thị Thanh T4 *và bà* Vũ Thị A *(là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị Thu T5*).*

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B *về yêu cầu xác định diện tích 126m^2 đất ký hiện thửa số 155B, thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 12 (320-596-6-(15)) thuộc* bộ B2 *địa chính* phường C, thành phố C *thuộc quyền sử dụng của bà* Nguyễn Thị Bửu .

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2023/KN-DS ngày 09/5/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2021/DSPT ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai:

Người kháng cáo: *Ông* Nguyễn T2 *là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ* Nguyễn Thị L1*); và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông* Nguyễn

T2*, bà* Nguyễn Thị B1*, ông* Nguyễn Văn E*, bà* Nguyễn Thị Ú*, ông* Nguyễn Văn T3*, bà* Nguyễn Thị Thanh T4 *và bà* Vũ Thị A *(là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị Thu T5*) đều vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn thống nhất ý kiến của người bảo vệ uyền và lợi ích hợp pháp: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ô*ng Nguyễn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ Nguyễn Thị L1);* và *những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Ú, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và bà Vũ Thị A (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T5)* giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của *ông* Nguyễn T2 *là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ* Nguyễn Thị L1*) và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông* Nguyễn T2*, bà* Nguyễn Thị B1*, ông* Nguyễn Văn E*, bà* Nguyễn Thị Ú*, ông* Nguyễn Văn T3*, bà* Nguyễn Thị Thanh T4 *và bà* Vũ Thị A *(là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị Thu T5*),* thấy: Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 12 có tổng diện tích 1.701,6m^2 tọa lạc tại tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị N1 (mẹ của bà B) chuyển nhượng cho bà B ngày 08/10/1976. Thửa đất số 155 của bà B tiếp giáp với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 12 có diện tích 371,9m^2 của cụ Nguyễn Thị L1. Hai thửa đất có 01 lối đi chung ra đường T có diện tích 126m^2, ký hiệu thửa số 155B. Nguyên đơn cho rằng, sau khi đường T được mở rộng, gia đình bị đơn đã bít cổng trước và mở cổng đi qua diện tích đất 126m^2 của gia đình nguyên đơn để dễ dàng đi xuống chợ nên yêu cầu công nhận diện tích đất 126m^2, ký hiệu thửa 155B thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng diện tích đất đường đi đang tranh chấp trước kia là đường đi rộng khoảng 0,8m đến 1m; bà B xin cụ D1 (chồng của cụ L1) mở rộng sang phần đất của cụ D1 để thuận tiện cho xe 12 chỗ đi vào, cụ D1 đồng ý.

[3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 647569 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Nguyễn D1 ngày 25/6/2014 có diện tích 371,9m^2 tại thửa 45, tờ bản đồ số 12 thể hiện phía Đông

Nam của thửa đất là tiếp giáp với thửa đất số 155 của bà Nguyễn Thị B, không phải giáp lối đi chung. Quá trình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng, gia đình cụ L1 không có ý kiến gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 20/4/2000 và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 28/12/1999 thể hiện cụ D1 (chồng cụ L1) ký hộ giáp ranh, sơ đồ không thể hiện lối đi chung. Ngoài ra, Biên bản hòa giải ngày 17/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường C thể hiện, ông Cao Vũ N2 – cán bộ địa chính xác nhận: Qua kiểm tra bản đồ địa chính, vị trí tranh chấp là thửa đất số 155 không thể hiện con đường đi; bà Phạm Thị N3 – Chủ tịch Hội phụ nữ xác định: Trước đây cụ Nguyễn D1 và cụ Nguyễn Thị L1 mở lối đi ra đường T, sau khi gia đình cụ L1 xây lại nhà mới, đổi cổng đi chung trong phần đất của bà Nguyễn Thị Bửu . Ngoài ra, còn các ý kiến của ông Bùi Trung H là cán bộ địa chính môi trường phường C và ông Bùi Văn P là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường C đều xác định hồ sơ thể hiện diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà B. Bị đơn cụ Nguyễn Thị L1 cho rằng đất tranh chấp có một phần diện tích do cụ D1 (chồng cụ L1) đã chừa ra làm lối đi chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 155, tờ bản đồ số 12 thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn. Nhà đất của bị đơn có 23m tiếp giáp mặt đường Trần Nhân T6 nên gia đình bị đơn sử dụng lối đi tại phía mặt đường Trần Nhân T6 là phù hợp với quyền sử dụng đất của bị đơn. Tòa án sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp 126m^2, ký hiệu thửa số 155B*, thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 12 (320-596-6-(15)) thuộc* bộ B2 *địa chính* phường C, thành phố C *thuộc quyền sử dụng của bà* Nguyễn Thị B *là có căn cứ và đúng pháp luật*. Ông Nguyễn T2 *là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ* Nguyễn Thị L1*); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông* Nguyễn T2*, bà* Nguyễn Thị B1*, ông* Nguyễn Văn E*, bà* Nguyễn Thị Ú*, ông* Nguyễn Văn T3*, bà* Nguyễn Thị Thanh T4 *và bà* Vũ Thị A *(là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị Thu T5*) kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ Nguyễn Thị L1);

Không chấp kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Ú, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và bà Vũ Thị A (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T5) và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa**.**

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (cụ Nguyễn Thị L1) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số A/A2016/0001089 ngày 20/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (do ông Phạm Duy T7 nộp thay).

Ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Ú, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và bà Vũ Thị A (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T5) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, cụ thể: Ông Nguyễn T2 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001090 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay), bà Nguyễn Thị B1 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001092 ngày 20/12/2019(do ông Phạm Duy T7 nộp thay), ông Nguyễn Văn E theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001096 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay), bà Nguyễn Thị Ú theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001093 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay), ông Nguyễn Văn T3 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001091 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay), bà Nguyễn Thị Thanh T4 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001095 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay), bà Nguyễn Thị Thu T5 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số A/A2016/0001094 ngày 20/12/2019 (do ông Phạm Duy T7 nộp thay).

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn